

TÁC ĐỘNG CỦA KIẾT QUỆ TÀI CHÍNH VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG: BẢNG CHỨNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Duy Sưu^{1*}

¹ Trường Đại học Tôn Đức Thắng

* Tác giả liên hệ: Email: nguyenduysuu@tdtu.edu.vn

Ngày nhận bài: 07/02/2025

Ngày chấp nhận: 15/05/2025

Ngày đăng: 25/10/2025

DOI: 10.52932/jfmr.v16i5.754

Phụ lục 1. Phân tích thống kê mô tả

Biến	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Độ lệch chuẩn	Quan sát
ROA	0,07617	0,79097	-0,46852	0,088832	6422
ROE	0,105714	0,98219	-0,79785	0,131215	6422
TBQ	1,206078	17,81582	0,023507	1,061394	6422
ZSCORE	1,184743	13,86409	-0,02386	1,082754	6422
LEV	0,491261	1,375717	0,002674	0,221879	6422
RBOND	0,058418	0,112	0,02163	0,027848	6422
CPI	1,255908	1,5951	1,0321	0,215544	6422
SIZE	11,83969	14,76118	9,893289	0,678122	6422
GDP	0,058777	0,0802	0,0258	0,015293	6422

Phụ lục 2. Phân tích tương quan giữa các biến độc lập

Biến	ZSCORE	LEV	RBOND	CPI	SIZE	GDP	VIF
ZSCORE	1						1,053
LEV	0,0172	1					1,136
RBOND	0,0375	0,0484	1				1,493
CPI	0,0425	0,0314	0,5143	1			1,370
SIZE	(0,2101)	0,3169	(0,1655)	(0,1136)	1		1,218
GDP	0,0304	0,0014	0,2890	0,0920	(0,0192)	1	1,587

Phụ lục 3. Kết quả hồi qui phương pháp Pool- OLS

Biến	ROA	ROE	TBQ
ZSCORE	0,0124***	0,0492***	0,0758***
LEV	-0,1366***	-0,3888***	-1,2369***
RBOND	0,5901***	1,4185***	-6,8868***
CPI	-0,0240***	0,0363***	-0,5472***
SIZE	0,0210***	0,0515***	0,3720***
GDP	-0,0234	-1,2139	-2,1446*
C	-0,1255***	-0,4500***	-1,4659***
R ²	8,1%	10,12%	17,78%
F-statistic	93,94731	11,79960	230,5488

Ghi chú: *** (**), (*) tương ứng mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%

Phụ lục 4. Kết quả mô hình bằng phương pháp FEM

Biến	ROA	ROE	TBQ
ZSCORE	0,0322***	0,1023***	0,0624***
LEV	-0,1755***	-0,6480***	-0,7504***
RBOND	0,7813***	2,4747***	-5,5874***
CPI	-0,0213***	0,0595	-0,5039***
SIZE	0,0704***	0,3123***	0,7637***
GDP	-0,1272	-1,6864*	-2,5311***
C	-0,7237***	-3,5368***	-6,4337***
R ²	41,01%	9,8%	61,7%
F-statistic	8,252	1,299	19,137

Ghi chú: *** (**), (*) tương ứng mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%

Phụ lục 5. Kết quả mô hình bằng phương pháp REM

Biến	ROA	ROE	TBQ
ZSCORE	0,0220***	0,0505***	0,0611***
LEV	-0,1574***	-0,3959***	-0,8272***
RBOND	0,6526***	1,4320***	-6,4049***
CPI	-0,0236***	0,0365	-0,5289***
SIZE	0,0367***	0,0545***	0,5392***
GDP	-0,0637	-1,2214	-2,2559***
C	-0,3154***	-0,4846***	-3,6741***
R ²	7,3%	10,5%	21,6%
F-statistic	84,630	11,35	293,81

Ghi chú: *** (**), (*) tương ứng mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%

Phụ lục 6. Phân tích lựa chọn phương pháp

Mô hình	ROA	ROE	TBQ
Redundant Fixed Test (Chi-square)	2884,340 (0,000)	600,005(0,000)	4912,52 (0,000)
Hausman Test (Chi-Sq. Statistic)	0,0000	0,0000	0,0000

Phụ lục 7. Kiểm định phương sai sai số thay đổi

Model	ROA	ROE	TBQ
Likelihood ratio (Value)	8335,3	31311,3	12748,61
Likelihood ratio (Probability)	0,000	0,000	0,000

Phụ lục 8. Kết quả mô hình phương pháp GMM

Biến	ROA		ROE		TBQ	
	Hệ số hồi quy	Xác suất	Hệ số hồi quy	Xác suất	Hệ số hồi quy	Xác suất
ROA(-1)	-0,3038***	0,0000				
ROE(-1)			-0,3501***	0,0000		
TBQ(-1)					0,1636***	0,0000
ZSCORE	0,5867***	0,0000	0,5568***	0,0000	0,6188**	0,0323
LEV	-1,4046***	0,0000	-2,6717***	0,0000	-3,5465***	0,0000
RBOND	0,6084*	0,0665	0,2334	0,6733	-1,3900**	0,0564
CPI	-0,0474***	0,0160	-0,0923***	0,0016	-0,1395***	0,0076
SIZE	0,0731	0,3336	-0,4130***	0,0004	1,5042*	0,0000
GDP	-1,1333***	0,0000	-1,2039***	0,0003	-5,0966***	0,0000
J-statistic	73,042		79,726		124,42	
Instrument rank	77		77		77	

Ghi chú: *** (**), (*) tương ứng mức ý nghĩa thống kê 1%, 5% và 10%